

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

XUNG HỒ TRONG GIAO TIẾP CỦA NGƯỜI LÍNH CỤ HỒ THỜI KÌ CHỐNG PHÁP NHÌN TỪ GÓC ĐỘ VAI GIAO TIẾP

VOCATIVE IN COMMUNICATION OF THE UNCLE HO'S SOLDIERS
IN TIME OF RESISTANCE AGAINST FRANCE FROM POINT OF VIEW
COMMUNICATION ROLES

NGUYỄN THỊ HỒNG CHUYÊN

(NCS-ThS; Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên)

Abstract: In communication activity, the vocative is important ceremony. Through these relationships, the personals define communication roles and choose vocative accordingly. With the types of general, the Uncle Ho's Soldiers use 11 per out of types and each type of these showed two types of relationships/ communication roles. They are relationship of power/ power role and relationship of relatives and friends/ relatives and friends role in specific circumstances.

Key words: vocative; communication; the Uncle Ho's Solders; the time of resistance against France; communication role.

1. Đặt vấn đề

1.1. Xung hô là một nghi thức quan trọng trong giao tiếp. Trong một cuộc giao tiếp, từ ngữ xưng hô thể hiện vai chủ thể giao tiếp, từ ngữ hô thể hiện vai khách thể hay đối tượng giao tiếp và các vai giao tiếp luận phiên thay đổi. Từ cách vai được xác lập thông qua các quan hệ cá nhân và chi phối việc lựa chọn từ xưng hô. Các mối quan hệ cá nhân đã có sẵn hay được hình thành trong quá trình giao tiếp sẽ tác động đến việc định vai và xác lập từ ngữ xưng hô của cá nhân trong từng cuộc thoại cụ thể.

1.2. Ở Việt Nam những năm chống Pháp, người lính cụ Hồ với vai trò lịch sử khẳng định là "công cụ bạo lực cách mạng" và chiếm vị thế quan trọng đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc. Ngôn ngữ là công cụ phục vụ cho giao tiếp. Vì vậy, đây cũng được xem là yếu tố đầu tiên ghi dấu sự chuyển biến vị thế của người lính. Với sự dịch chuyển đó, xã hội nói chung và phạm vi ngôn ngữ nói riêng có thêm những từ ngữ mới và sản sinh ra ngôn ngữ của một nhóm đối tượng mới trong xã hội. Từ đó, xuất hiện sự tương tác giữa ngôn ngữ của một nhóm

đối tượng mới - "người lính" với ngôn ngữ trong đời sống. Xung hô trong giao tiếp của người lính Cụ Hồ thời kì chống Pháp được xem là yếu tố đầu tiên trong ngôn ngữ thể hiện sự thay đổi vị thế. Chính vì vậy, việc xem xét xung hô trong giao tiếp của người lính Cụ Hồ thời kì chống Pháp từ góc độ vai giao tiếp là việc làm cần thiết không chỉ có ý nghĩa trong nghiên cứu ngôn ngữ mà có ý nghĩa trong nghiên cứu lịch sử, văn hóa,... của một tầng lớp đặc biệt - người lính Cụ Hồ.

2. Nội dung

2.1. Thống kê

Tiến hành khảo sát từ các tác phẩm văn học [Ngữ liệu; 9], chúng tôi thu thập được 752 cuộc thoại ở phạm vi đời sống sinh hoạt và chiến đấu, với các vai giao tiếp: cán bộ chỉ huy (CBCH) - cán bộ chỉ huy (CBCH), cán bộ chỉ huy - chiến sĩ, chiến sĩ với chiến sĩ.

Vận dụng 13 kiểu xưng hô thường gặp trong giao tiếp tiếng Việt của Nguyễn Văn Khang [5, tr.362], chúng tôi phân loại các kiểu xưng hô xuất hiện trong 752 cuộc thoại của 4 người lính như sau:

Bảng 1: Các kiểu xưng hô trong giao tiếp của người lính Cụ Hồ

STT	Kiểu xưng hô	Xưng		Hô	
		Từ ngữ	Số lượng %	Từ ngữ	Số lượng %
1.	Bằng tên riêng	Sân, Mậu, Khải, Nhộn...	7 0.47%	Sân, Kha, Núp, Dân, Thịnh...	114 5.99%
2.	Bằng tên đệm + tên	Nhật Tân, Thu Phong	3 0.20%	Nhật Tân, Nam Long, Hồng Tân...	10 0.53%
3.	Bằng họ + tên	Vũ Lăng	1 0.07%	Vũ Minh, Vũ Lăng, Trần Sơn...	7 0.37%
4.	Bằng họ + tên đệm + tên đơn vị, tổ chức(*)	Bùi Văn Bội, Trần Văn Hào (*): Đại đội 52, Trần Phú...	18 (*16 lượt) 1.24%	Tiểu đoàn 303, Tiểu đoàn 9, Liên đội, Cao pháo...	29 (* 29 lượt) 1.52%
5.	Bằng đại từ nhân xưng	Tao, tôi, ta, mình, tôi, tui, chúng ta, chúng tôi...	879 58.8%	Mày, nó, họ chúng mày, hắn, các bạn...	52 2.73%
6.	Bằng từ thân tộc	Em, cháu, anh, chị, chúng em, các chị, bác, ông...	156 10.43%	Anh, chị, cháu, cô, bố, thầy, ông, bà, Cụ, các cậu...	783 41.12%
7.	Bằng các từ khác	Người ta, cà lủ, cà mủ...	7 0.47%	Đang ấy, tay này, ai, ...	49 2.57%
8.	Bằng một trong các chức danh	Bộ đội, cấp dưỡng, chính trị viên, chủ công...	12 0.8%	Đồng chí, chính ủy, cán bộ, trợ chiến, đại đoàn trưởng...	314 16.5%
9.	Bằng nhiều hoặc tất cả các chức danh	Lính cao pháo, đồng chí Khu phó, các đồng chí phụ trách liên khu, ...	10 0.67%	Các cán bộ trung đội, đồng chí đoàn trưởng, đồng chí tham mưu trưởng...	14 0.73%
10.	Bằng sự kết hợp khác	Tôi là tiểu đội trưởng, chúng ta xưng họ, bình đoàn ngựa sắt chúng ta...	61 4.07%	Võ Tổng, đ/c Nguyễn, Anh là Sân, Anh là chính ủy, Cụ Mac, các bạn trẻ...	256 13.44%
11.	Khuyết vắng từ xưng hô		341 22.8%		276 14.5%

2.2. Nhận xét

Thứ nhất, có thể thấy xưng hô trong giao tiếp của người lính Cụ Hồ thời kì chống Pháp xuất hiện trong 11 kiểu xưng hô với tần suất chênh lệch nhau khá lớn. Khi xưng, chủ thể thường sử dụng chủ yếu một số kiểu xưng hô: bằng đại từ nhân xưng (58.8%), khuyết vắng từ xưng hô (22.8%), bằng từ thân tộc (10.4%),... Các kiểu xưng hô bằng tên xuất hiện với tần suất khiêm tốn như: xưng hô bằng họ + tên (0.07%), xưng hô bằng tên riêng (0.47%),... Đáng chú ý là, người lính Cụ Hồ sử dụng tên đơn vị, tổ chức, vùng miền,... để xưng, ví dụ: *Đại đội 52, Đoàn bộ 9, Trần Phú*,... (16 lượt, chiếm 1.07%). Đây được xem là một cách xưng hô đặc thù của người lính trong tổ chức.

Thứ hai, một số kiểu xưng hô được chủ thể sử dụng với tần suất cao khi hô (gọi khách thể) như: bằng từ thân tộc (41.2%), bằng một trong các chức danh (16.5%), khuyết vắng xưng hô (14.5%), bằng sự kết

hợp khác (13.44%). Không xuất hiện kiểu xưng hô bằng họ + tên đệm + tên hoặc một số kiểu xưng hô xuất hiện với tần suất thấp như: bằng họ + tên (0.37%), bằng tên đệm + tên (0.53%), bằng nhiều chức danh hoặc tất cả các chức danh (0.73%). Đặc biệt, kiểu xưng hô vốn được sử dụng với tần suất cao ở xưng là: xưng hô bằng đại từ thân hữu lại được hạn chế khi hô gọi: 52 lượt (2.73%) và kiểu xưng hô bằng sự kết hợp lại được sử dụng ở tần số khá cao khi chủ thể hô gọi khách thể: 256 lượt - chiếm 13.44%.

Thứ ba, một số kiểu xưng hô không có sự tương đồng trong việc xưng - hô ở tần suất sử dụng, chẳng hạn: Kiểu xưng hô bằng đại từ nhân xưng có tổng số 931 lượt xưng và hô, trong đó: xưng: 879 lượt - hô: 52 lượt; Kiểu xưng hô bằng từ thân tộc xuất hiện với tần suất 939 lượt, trong đó: xưng: 156 lượt - hô: 783 lượt; Kiểu xưng hô bằng tên có tần suất xuất hiện 121 lượt, trong đó: xưng: 7 lượt - hô: 114 lượt. Kết quả trên cho thấy

một đặc điểm nổi bật trong xưng hô của người lính đó là: xưng hô không đúng vai. Lí do có thể dẫn tới đặc điểm trên là do: tính quy định của pháp quy trong việc xưng hô giữa người lính trong tập thể; do đặc điểm hoàn cảnh, xu hướng thân mật hóa các mối quan hệ ảnh hưởng tới việc định vai và xác định các kiểu xưng hô.

Thứ tư, các kiểu xưng hô có sự tương ứng tương đối chính xác giữa xưng và hô như: xưng hô bằng họ + tên đệm + tên (2 lượt), xưng hô bằng nhiều hoặc tất cả các chức danh (16 lượt). Lí do có thể dẫn tới đặc điểm trên là do tính quy định của pháp quy trong xưng hô của người lính trong tập thể.

Thứ năm, các kiểu xưng hô như: bằng một trong số các chức danh, bằng nhiều hoặc tất cả các chức danh được sử dụng ở tần suất trung bình. Tuy nhiên, trong kiểu xưng hô bằng một trong số các chức danh chủ thể sử dụng với tần suất cao khi tiến hành hô gọi khách thể (314 lượt). Đây được xem là một trong những biểu hiện làm nên đặc điểm xưng hô của người lính Cụ Hồ.

Thứ sáu, xét các kiểu xưng hô từ góc độ vai giao tiếp, chúng tôi nhận thấy: 10/11 kiểu xưng hô được sử dụng trong cả hai loại vai: vai quyền lực và vai thân hữu. Kiểu xưng hô bằng tên riêng chỉ xuất hiện trong vai thân hữu (đồng cán bộ hoặc đồng chiến sĩ) và ứng với hoàn cảnh giao tiếp phi chính thức, phi quy thức. Kiểu xưng hô bằng họ +

tên đệm + tên (không gồm phần xưng hô bằng tên đơn vị, tổ chức,...) chỉ thấy xuất hiện trong vai quyền lực và gắn với hoàn cảnh giao tiếp chính thức, quy thức.

Để làm rõ cách sử dụng của các kiểu xưng hô trên trong việc thể hiện vai giao tiếp của người lính, chúng tôi sẽ đi sâu vào từng hoàn cảnh giao tiếp và định vai giao tiếp.

2.3. Các kiểu xưng hô thể hiện vai giao tiếp trong giao tiếp của người lính Cụ Hồ

Trong tập thể người lính Cụ Hồ tồn tại hai mối quan hệ chính được xây dựng trên nền tảng có tính pháp quy và có tính cá nhân như: quan hệ có sự chênh lệch vai giữa cán bộ - chiến sĩ và quan hệ giữa các vai ngang/đồng cấp (đồng cấp cán bộ hoặc đồng cấp chiến sĩ). Theo đó vai quyền lực gồm: vai trên - vai dưới. Các cặp vai này được xác lập trên cơ sở các quy định có tính pháp quy (quyền lực địa vị) của tổ chức, quyền lực tuổi tác. Ví dụ: Võ Nguyên Giáp - Tổng Tư lệnh mặt trận (vai trên) với Chu Huy Mân - Chính ủy Đại đoàn 316 (vai dưới), Sàn - Chính trị viên đại đội Trần Phú (vai trên) với Lũy - Chiến sĩ thuộc đại đội Trần Phú (vai dưới),... Vai thân hữu gồm các cặp vai còn lại và được xác lập trên cơ sở quan hệ tình cảm, quan hệ lí tưởng (các cặp vai đồng cấp). Có thể mô hình sự thể hiện của các kiểu xưng hô thể hiện vai giao tiếp trong giao tiếp của người lính Cụ Hồ bằng bảng sau:

Bảng 2: Tương quan giữa các kiểu xưng hô thể hiện vai giao tiếp trong giao tiếp của người lính Cụ Hồ

STT	Tương quan giữa các kiểu xưng hô trong giao tiếp của người lính Cụ Hồ			Trường hợp giao tiếp
	Xưng	Hô	Cặp từ xưng hô đặc trưng	
1.	Bằng tên riêng	+ Bằng tên riêng + Bằng đại từ nhân xưng + Bằng từ thân tộc + Bằng các sự kết hợp khác + Khuyết vắng từ xưng hô (ít gặp)	+ <i>Sân - Kha</i> , + <i>Sân - mây</i> , + <i>Lý - anh, Liêu - anh...</i> + <i>Khải - anh Hoàn</i> + <i>Vọng - Ø</i>	- Hoàn cảnh giao tiếp phi chính thức, phi quy thức. - thuộc vai thân hữu: bạn bè + quan hệ thân thuộc, gần gũi + trẻ tuổi. (thuộc các vai đồng cấp) *. Chỉ duy nhất cặp xưng hô: bằng tên riêng + <i>Khuyết vắng từ xưng hô</i> xuất hiện trong trường hợp có sự chênh lệch vai giữa cán bộ với chiến sĩ

2.	Bảng tên đệm + tên	+ Bảng tên riêng + Bảng từ thân tộc + Bảng các sự kết hợp khác	+ Nhật Tân - Hiền + Thu Phong - chị + Thu Phong, Chị Oanh	- Hoàn cảnh giao tiếp phi chính thức - Có sự chênh lệch vai + thân mật
3.	Bảng họ + tên	Từ thân tộc	Vũ Lăng - anh	- Trong giao tiếp chính thức - Có sự chênh vai + trung tính
4.	Bảng họ + tên đệm + tên đơn vị, tổ chức(*)	Khuyết vắng từ xưng hô (*) - Bảng một trong các chức danh	Trần Văn Hào - Ø (*) : Bộ - các đồng chí...	- Trong giao tiếp chính thức, quy thức. - Có sự chênh vai + lịch sự
5.	Bảng đại từ nhân xưng	+ Bảng Họ + tên / + Bảng từ thân tộc + Bảng một trong các chức danh + Bảng nhiều hoặc tất cả các chức danh + Bảng các cách kết hợp khác + Khuyết vắng từ xưng hô	+ chúng mình - Vũ Minh... + Tôi - anh, tôi - các ông... + Tôi - đồng chí, tôi - + Ta/ tôi/ chúng ta - các đồng chí phụ trách liên khu... + Tôi - cậu Mẫn, chúng tôi - đồng chí Quốc Vinh... + ta/ tôi/ mình/ tớ - Ø...	- Xuất hiện trong giao tiếp chính thức chủ yếu thể hiện vai quyền lực + lịch sự + tôn kính. - Trong giao tiếp phi chính thức thể hiện vai thân hữu + suồng sã - Hiện tượng kéo gần hoặc dẫn các quan hệ bằng thay đổi từ xưng hô dẫn đến sự chuyển vai. Mức độ chuyển hướng chủ yếu theo chiều: gia tăng khoảng cách. - Đây là một kiểu xưng hô đặc thù trong giao tiếp của người lính Cụ Hồ.
6.	Bảng từ thân tộc	+ Bảng tên riêng + Bảng tên đơn vị, tổ chức, ... + Bảng từ thân tộc + Bảng một trong các chức danh + Bảng các sự kết hợp khác + Khuyết vắng từ xưng hô	+ anh - Lan Hương... + Anh em - trên, + Chúng em- các anh, em- chị/anh,... Anh em - chính ủy + Em - anh Dân + Ông - Ø	- Xuất hiện trong giao tiếp chính thức chủ yếu thể hiện vai quyền lực + lịch sự + tôn kính. - Trong giao tiếp phi chính thức thể hiện vai thân hữu + suồng sã, gần gũi - Hiện tượng kéo gần hoặc dẫn các quan hệ bằng thay đổi từ xưng hô dẫn đến sự chuyển vai. Mức độ chuyển hướng chủ yếu theo chiều: kéo gần khoảng cách trong giao tiếp
7.	Bảng các từ khác	Bảng đại từ nhân xưng	Cả lũ - thằng/ đần	- Xuất hiện chủ yếu trong giao tiếp phi chính thức + các cặp vai đồng cấp dưới (chiến sĩ - chiến sĩ) + suồng sã + trịch thượng.
8.	Bảng một trong các chức danh	Bảng một trong các chức danh	Anh mười - tiểu đoàn trưởng	- Sử dụng chủ yếu trong giao tiếp chính thức, quy thức + tôn kính + khoảng cách. - Thể hiện rõ vai quyền lực

9.	Bằng nhiều hoặc tất cả các chức danh	Một trong các chức danh	Cán bộ văn công Tổng cục Chính trị - trung đoàn...	- Sử dụng chủ yếu trong giao tiếp chính thức, quy thức + tôn kính + khoảng cách. - Thể hiện rõ vai quyền lực mạnh.
10.	Bằng sự kết hợp khác	+ Bằng từ thân tộc + Bằng một trong các chức danh + Khuyết vắng từ xưng hô	+ <i>Linh Cao pháo - anh</i> + <i>Cán bộ chúng ta - đồng chí</i> <i>Tôi là tiểu đội trưởng - Ơ</i>	- Sử dụng linh hoạt trong các giao tiếp chính thức và phi chính thức. - Thể hiện chủ yếu vai quyền lực. Xuất hiện chủ yếu trong các đối tượng có sự chênh vĩa và mức độ thân quen thấp.
11.	Khuyết vắng từ xưng hô			- Xuất hiện trong giao tiếp chính thức với tần suất cao. Thể hiện đặc trưng vai quyền lực và đặc thù của nhóm đối tượng người lính. - Tinh áp đặt, mệnh lệnh thể hiện rõ trong kiểu xưng hô.

Từ bảng tương quan trên, có thể đưa ra một số đặc điểm nổi bật trong tương quan giữa các kiểu xưng hô thể hiện vai giao tiếp trong giao tiếp của người lính Cụ Hồ như sau:

1) Các vai quyền lực chủ yếu được xác lập trong hoàn cảnh giao tiếp chính thức, quy thức (trong các cuộc họp, các cuộc hành quân, vận động trên chiến trường...) ứng với đó là một số kiểu xưng hô điển hình như: bằng đại từ nhân xưng, bằng từ thân tộc, bằng các cách kết hợp khác, bằng một trong các chức danh. Đặc biệt, kiểu xưng hô khuyết vắng từ xưng hô vốn là kiểu xưng hô được sử dụng chủ yếu trong giao tiếp phi chính thức ứng với thân hữu lại xuất hiện với tần suất cao (432 lượt xưng và hô) trong giao tiếp chính thức ứng với cấp vai quyền lực. Lí do có thể là do hoàn cảnh chiến đấu "sự sống và cái chết là ranh giới mong manh" và kỉ luật quân đội "quân lệnh như sơn" nên xuất hiện kiểu xưng hô trên. Ví dụ:

Bộ đội ượt đến thị. Một người hét to:

- Cứ làm nán, không tới nay ngủ ở đâu?

- Giời ác quá đi mất thôi!

Chủ liên lạc của đại đội chạy hộc tốc, ngã lăn chiêng xuống dốc trơn. Một người nói:

- Thôi, lại hành quân rồi! (Kí sự Cao - Lạng, tr. 248).

Có thể nhận thấy: Đặc trưng của quan hệ quyền lực/vai quyền lực là yếu tố quyền lực và khoảng cách. Quan hệ này chi phối và xếp vị thế thành tầng bậc trên một trục dọc. Đồng thời quan hệ này duy trì cho vị thế có tính tương đối ổn định về khoảng cách. Quan hệ quyền lực mặc dù tạo ra tầng bậc vị thế theo trục dọc nhưng lại mang tính tương đối khi thể hiện vị thế và vai của các đối tượng giao tiếp. Nói cách khác, quan hệ quyền lực chịu sự chi phối của các yếu tố mang tính xã hội đan cài trong quan hệ cá nhân như: địa vị xã hội, giới tính, tuổi tác,... Vì vậy, để duy trì và đảm bảo cuộc thoại thành công, giữa những người tham thoại phải thiết lập chiến lược giao tiếp. Chẳng hạn: trong tiểu thuyết "Xung kích", Sán, Độ là bạn bè với nhau nhưng về địa vị trong đơn vị Sán là cấp trên của Độ. Trong các cuộc họp, Sán với tư cách là Chính trị viên của Độ thì gọi Độ là "*đồng chí*" hoặc "*đồng chí Độ*" và xưng là "*tôi*". Độ có thể gọi Sán là "*đồng chí*" hoặc "*đồng chí bí thư*" và xưng là "*tôi*". Trong giao tiếp đời thường, Sán thường gọi Độ là "*mày*" và xưng "*tao*" và ngược lại. Tuy nhiên có trường hợp, Sán gọi Độ là "*đồng chí Độ*" nhưng Độ đáp lại bằng cách xưng là "*tao*". Có thể nói, quan hệ quyền thế chịu sự chi phối của nhiều yếu

tổ mang tính xã hội và không đảm bảo tính ổn định cho vị thế và vai của các nhân vật tham thoại. Chính điều này đã tạo ra các hành động xưng hô khác nhau trong một cuộc hội thoại.

2) Vai thân hữu chủ yếu được xác lập trong hoàn cảnh giao tiếp phi chính thức, phi quy thức (trong sinh hoạt trong tập thể, thời gian nghỉ trên đường hành quân, hay nghỉ ngơi trên trận địa) ứng với đó là các kiểu xưng hô như: bằng đại từ xưng hô, bằng tên thân tộc, khuyết vắng từ xưng hô, bằng tên riêng. Lí do có thể vì: thói quen sử dụng ngôn ngữ. Các kiểu xưng hô trên vốn là những kiểu xưng hô phổ biến của toàn xã hội. Người lính Cụ Hồ bên cạnh những phẩm chất anh dũng, ngoan cường, cứng nhắc có phần đến khô khan khi thực thi nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc nhưng khi trở về cuộc sống đời thường họ vẫn là những con người bình dị, chân chất, nghĩa tình và rất đỗi trữ tình.

Có thể nhận thấy: Đặc trưng của quan hệ thân hữu là yếu tố cận kề và gần gũi. Nói cách khác thì quan hệ này kéo gần khoảng cách của các đối tượng và hướng tới sự đồng đẳng - cận kề giữa các nhân vật tham thoại. Như tác giả Lê Thanh Kim nhận định: nếu quan hệ quyền lực thể hiện bằng cách xưng hô "*anh anh tôi tôi*" thì quan hệ thân hữu được thể hiện bằng cách xưng hô "*mình mình tớ tớ*" [57, tr. 39]. Trong các cuộc giao tiếp xã hội, nếu như cách xưng hô của các đối tượng trong quan hệ quyền lực mang tính phi đối xứng thì trong quan hệ thân hữu mang tính đối xứng. Nghĩa là sự xa cách hay gần gũi đều xuất phát từ hai phía (người nói và người nghe). Tuy nhiên có những cuộc giao tiếp có hiện tượng bất đối xứng. Tức là một người muốn - một người không muốn kéo gần khoảng cách. Điều này phụ thuộc vào chiến lược giao tiếp của từng nhân vật tham thoại.

3) Nếu như cách xưng hô của các đối tượng trong quan hệ quyền lực mang tính phi đối xứng thì trong quan hệ thân hữu mang tính đối xứng. Nghĩa là sự xa cách hay gần gũi đều xuất phát từ hai phía (người nói và người nghe). Tuy nhiên có những cuộc giao tiếp có hiện tượng bất đối xứng. Tức là một người muốn - một người không muốn kéo gần khoảng cách. Điều này phụ thuộc vào chiến lược giao tiếp của từng nhân vật tham thoại. Ví dụ: Trong tiểu thuyết "Xung kích", Sân và Độ xưng hô trong các hoàn cảnh giao tiếp khác nhau:

+ Trong cuộc họp: *Độ giật mạnh, lao ngay theo ý Hiến:*

- *Trông thấy rõ hao hụt còn sợ cái gì? Đồng chí bí thư phải làm thế nào. Hồi cho ra nết tẻ hần hơi chứ! Mấy ông cung cấp cứ quần mải bộ đội à!*

Sân đập bút chì lên cuốn sổ kẹp giữa hai đầu gối rồi ngẩng lên:

- *Qua vấn đề khác. [Xung kích, tr. 21 -22]*

+ Sau cuộc họp: *Các cán bộ đi khỏi, Sân quay lại anh đại đội phó:*

- *Đồng chí Độ vừa rồi lại ăn nói lung tung quá! Tôi không tán thành tí nào cả.*

- *Thôi thôi tao biết rồi.*

- *Biết thì phải sửa...*

- *Thôi đã bảo tao biết rồi mà, tao là một thằng lỗ mãng... [Xung kích, tr.24]*

Ở ví dụ trên, cách xưng hô của Sân và Độ có sự thay đổi trong từng hoàn cảnh giao tiếp. Các cặp từ xưng hô có thể hiện ngôn ngữ như: "*đồng chí Độ*" "*tôi*" hoặc hiển ngôn một phần ("*xung*" hoặc "*hở*") như các cặp: Ø - *đồng chí bí thư, tao* - Ø. Mặc dù xuất hiện các cặp xưng hô hiển ngôn một phần trong đoạn thoại nhưng đặt trong hoàn cảnh giao tiếp người đọc vẫn nhận diện được và xác định được mối quan hệ giữa những người tham thoại. Đây là một đặc điểm đặc thù trong xưng hô của người lính ở môi

trường quân đội nói riêng và của người Việt nói chung.

3. Kết luận

Xung hô trong giao tiếp của người lính Cụ Hồ thời kì chống Pháp là một trong những yếu tố ngôn ngữ đầu tiên thể hiện việc định vai giao tiếp. Xuất hiện 11/ 13 kiểu xung hô trong xung hô của người lính Cụ Hồ ứng với 2 kiểu quan hệ/ vai giao tiếp chính: vai quyền lực và vai thân hữu. Mỗi kiểu xung hô được sử dụng trong những hoàn cảnh giao tiếp khác nhau như: giao tiếp chính thức, quy thức và giao tiếp phi chính thức, phi quy thức. Kiểu xung hô bằng tên riêng chỉ xuất hiện trong giao tiếp phi chính thức, phi quy thức của vai thân hữu. Kiểu xung hô bằng họ + tên đệm + tên (không gồm phần xung hô bằng tên đơn vị, tổ chức,...) chỉ xuất hiện trong giao tiếp chính thức, quy thức. Xét về tần suất sử dụng cả hai kiểu xung hô trên xuất hiện với tần suất thấp. Các kiểu xung hô còn lại được sử dụng với tần suất trung bình và rất cao. Tuy nhiên xét về mặt quan hệ vai thì các kiểu xung hô: bằng một trong các chức danh, bằng nhiều hoặc tất cả các chức danh, bằng đại từ nhân xưng thể hiện vai quyền lực rõ nét trong hoàn cảnh giao tiếp chính thức. Các kiểu xung hô còn lại chủ yếu thể hiện vai thân hữu trong các hoàn cảnh giao tiếp phi chính thức, phi quy thức. Tuy nhiên, giữa các kiểu xung hô và các vai giao tiếp không thuần nhất mà có sự dịch chuyển. Điều này góp phần thể hiện nét đặc trưng văn hóa giao tiếp, văn hóa xung hô của người lính Cụ Hồ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đinh Thị Thủy Bình (2010), *Văn hóa chào hỏi, nét đẹp của người quân nhân*, Báo Quân đội nhân dân, <http://www.baomoi.com/Ki-nang-giao-tiep-mo-ra-co-hoi-moi>.
2. Brown G. & Gilman A. (1960), *Đại từ chỉ quyền lực và thân hữu*, Ngôn ngữ văn

hóa và xã hội - một cách tiếp cận liên ngành (Người dịch: Vũ Thị Thanh Hương, Hoàng Từ Quân; hiệu đính: Cao Xuân Hạo, Lương Văn Hy, Lý Toàn Thắng - 2006), Nxb Thế giới, Hà Nội, tr. 224 - 249.

3. Nguyễn Văn Chiến (1993), *Từ xung hô trong tiếng Việt (nghiên cứu ngữ dụng học và dân tộc học giao tiếp)*, Việt Nam: Những vấn đề ngôn ngữ học và văn hóa. Hội Ngôn ngữ học - Trường đại học Ngoại ngữ Hà Nội, tr. 60 - 66.

4. Nguyễn Thị Dung (2011), *Đặc điểm ngôn ngữ trong giao tiếp ở trường Đại học Quân sự Việt Nam (trên ngữ liệu thi văn đáp)*, luận văn thạc sĩ, ĐHSP - ĐH Thái Nguyên

5. Nguyễn Văn Khang (2012), *Ngôn ngữ học xã hội*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

6. Lê Thanh Kim (2002), *Từ xung hô và cách xưng hô trong các phương ngữ tiếng Việt*, Luận án tiến sĩ, Viện Ngôn ngữ.

7. Hoàng Phê (1997), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.

8. "Tuyển tập Nguyễn Đình Thi" - tập 2, Nxb Văn học, H.1997.

Ngữ liệu:

- [9]. "Tuyển tập Nguyễn Đình Thi" - tập 2, Nxb Văn học, H.1997; "Nguyễn Huy Tưởng - Sống mãi với thủ đô", NXB Hà Nội, H.1996; "Mai Quốc Liên - Văn học Việt Nam thế kỉ XX (Tiểu thuyết 1945 -1954), Quyển 1, tập XXI, Nxb Văn học, H.2005; "Đánh lán (tập hồi kí Điện Biên Phủ)", NXB Quân đội Nhân dân, H.1964; "Đại tướng Võ Nguyên Giáp (Hữu Mai thể hiện) - Đường tới Điện Biên Phủ", Nxb Quân đội Nhân dân, H.1999; "Đại tướng Võ Nguyên Giáp (Hữu Mai thể hiện) - Điện Biên Phủ", *Điểm hẹn lịch sử*", NXB Quân đội Nhân dân, H.2001; "Đinh Xuân Dũng - Điện Biên Phủ (Tuyển tập hồi kí trong nước)", Nxb Chính trị Quốc gia, H.2004.